| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ GẠO**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 284/2019/DS-ST
Ngày: 17/9/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Phước Lung;

2. Ông Nguyễn Phúc Viễn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2019/TLST-DS ngày 09/5/2019 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2019/QĐXXST-DS ngày 08/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2019/QĐST-DS ngày 26/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền cho: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*:

1. Chị **Châu Thị Hoàng P**, Sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Anh **Văn Công H**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện C, Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2019, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là chị N trình bày: Vào năm 2018, bà B có tham gia chơi hụi do chị P làm chủ hụi. Đến tháng 08/2018, chị P tuyên bố bể hụi và viết giấy xác nhận nợ cho bà B với số tiền chị P còn nợ bà B là 34.000.000đồng.

Sau khi viết giấy xác nhận nợ, chị P cam kết trả cho bà B mỗi tháng là 1.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 20/02/2019 âm lịch nhưng chị P không trả cho bà B khoản tiền nào nên chị P đã vi phạm thỏa thuận.

Việc chị P làm chủ hụi, anh H là chồng chị P biết và không có ý kiến ngăn cản và chị P sử dụng tiền hoa hồng để phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình nên anh H phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị P.

Nay bà B khởi kiện chị P và anh H để đòi số tiền nợ là 34.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Phần trình bày của bị đơn là anh Văn Công H và chị Châu Thị Hoàng P: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía anh H và chị P.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà B có đơn khởi kiện đối với chị P và anh H. Chị P và anh H có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà B khởi kiện chị P và anh H để tranh chấp đòi tiền nợ hụi. Căn cứ vào Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bà B vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị P và anh H phải trả số tiền nợ hụi là 34.000.000đồng.

Bà B cho rằng, chị P tổ chức hụi và khi chị P tuyên bố bể hụi thì chị P có viết giấy thỏa thuận nợ mà chị P không thực hiện đúng cam kết nên chị Bắc căn cứ vào giấy xác nhận nợ của chị P để khởi kiện đòi nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà B, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch góp hụi giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua việc chị P đã viết giấy xác nhận nợ cho bà B. Bà B căn cứ vào "Giấy thỏa thuận tiền hụi" lập ngày 07/01/2019 có xác nhận của chính quyền địa P nên bà B đã có đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với chị P và anh H, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị P và anh H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quết vụ án nên xem như chị P, anh H từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và mặt nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà B.

[4.]. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị P và anh H là vợ chồng, nợ trong thời kỳ hôn nhân nên anh H phải có nghĩa vụ cùng chị P thực hiện nghĩa vụ của chị P do nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Đối với chị P và anh H vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị P và anh H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, lời trình bày của phía bà B là có cơ sở, phù hợp thực tế, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo của đượng sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/02/2019;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị B.

Buộc chị Châu Thị Hoàng P và anh Văn Công H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà B số tiền nợ hụi là 34.000.000đồng(Ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P và anh H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị P và anh H còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí DSST: Chị P và anh H phải phải chịu 1.700.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Ngô Vũ Hoài Phương**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.